

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư  
nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  
KHOẢ XIX, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 1745/TTr-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân  
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, không bao gồm vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định kéo dài của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết được ban hành, áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2. Quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp tỉnh hằng năm nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau đối với các dự án thuộc một trong các trường hợp cụ thể như sau:**

1. Dự án quan trọng quốc gia;
2. Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng;
3. Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau;
4. Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau;
5. Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép;
6. Dự án cơ quan đại diện và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài;
7. Sờ, ngành, chủ đầu tư và địa phương chỉ có duy nhất 01 dự án trong năm kế hoạch hoặc không thể thực hiện điều chỉnh kế hoạch.

**Điều 3. Quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2021 sang năm 2022 đối với 81 dự án công trình, tổng số vốn: 680.983,397 triệu đồng, bao gồm:**

1. Tổng số 06 dự án, công trình được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau, số tiền: 4.271,551 triệu đồng;
2. Tổng số 67 dự án, công trình được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau, số tiền: 650.275,569 triệu đồng;
3. Tổng số 08 dự án, công trình bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, số tiền: 26.436,277 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ biểu kèm theo)*

**Điều 4. Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án thuộc nguồn ngân sách cấp huyện; Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án thuộc nguồn ngân sách cấp xã đảm bảo tuân thủ quy định đối với các trường hợp dự án cụ thể tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công.**

## **Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khoá XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Nhất thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 6 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm CNTT và TT;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, CTHĐND (TL).



**CHỦ TỊCH**

**Bùi Minh Châu**



## PHỤ BIỂU

CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2021  
ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI SANG NĂM 2022

(Xem theo Nghị quyết số: 03/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án công trình/Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn đề nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
	<b>Tổng số</b>		<b>826.267,322</b>	<b>143.283,925</b>	<b>682.983,397</b>	<b>680.983,397</b>	
<b>I</b>	<i>Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau</i>		<b>70.995,965</b>	<b>64.724,414</b>	<b>6.271,551</b>	<b>4.271,551</b>	
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (Trại thực nghiệm)	Sở Khoa học và Công nghệ	9.742,000	9.369,611	372,389	372,389	
2	Cải tạo trụ sở làm việc Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.000,000	954,907	45,093	45,093	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu đất thu hồi của Công ty CP quản lý và xây dựng đường bộ Phú Thọ tại thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.635,903	1.299,775	336,128	336,128	
4	Lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KĐT mới Âu Cơ, phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.401,808	930,000	471,808	471,808	
5	Dọn dẹp mặt bằng, lập rào chắn bảo vệ ranh giới đất thu hồi của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Thọ	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.023,254	810,000	213,254	213,254	
6	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ nút giao với đường Hùng Vương đến Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng (Giai đoạn 1,2 + tuyến nhánh bổ sung) (Điều chỉnh giám theo QĐ số 3202/QĐ-UBND ngày 09/12/2021)	Sở Giao thông vận tải	56.193,000	51.360,121	4.832,879	2.832,879	
<b>II</b>	<i>Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp cơ thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau</i>		<b>700.581,012</b>	<b>50.305,443</b>	<b>650.275,569</b>	<b>650.275,569</b>	
1	Xây mới mương tưới tiêu bờ Vòng, xã Sơn Tinh, Cẩm Khê	UBND xã Sơn Tinh	1.000,000	994,204	5,796	5,796	



TT	Danh mục dự án công trình/ Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn để nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
2	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non xã, dựng nhà vệ sinh trường THCS Tuy Lộc, xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê	UBND xã Tuy Lộc	383,000	382,375	0,625	0,625	
3	Cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Ấu Cơ (giai đoạn II)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	130.000,000	1.232,626	128.767,374	128.767,374	
4	Tu bổ, hoàn chỉnh và gia cố mặt đê tá Sông Thao (các gói thầu số 06, 41, 42)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.000,000		5.000,000	5.000,000	
5	Thực hiện công tác bồi thường, tái định cư dự án Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái	Sở Giao thông vận tải	100.000,000	46.033,980	53.966,021	53.966,021	
6	Cải tạo, lắp đặt hệ thống cột cờ và công ra vào khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2.000,000	1.662,259	337,741	337,741	
7	Các Trung tâm KH&CN tỉnh Phú Thọ	Sở Khoa học và Công nghệ	267,000		267,000	267,000	
8	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	674,000		674,000	674,000	
9	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Công thương	Sở Công thương	336,000		336,000	336,000	
10	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh	10.000,000		10.000,000	10.000,000	
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh	Văn phòng HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh	3.160,000		3.160,000	3.160,000	
12	Xây dựng kho dữ liệu và Cổng chuyên đổi số của tỉnh Phú Thọ	Sở Thông tin và Truyền thông	4.000,000		4.000,000	4.000,000	
13	Xây dựng cơ sở làm việc Đội tuần tra kiểm soát giao thông; Đội CS PCCC và CNCH; Đội công an KCN khu vực Trung Hà thuộc Công an tỉnh Phú Thọ	Công an tỉnh	5.000,000		5.000,000	5.000,000	
14	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vờ sông đê tá sông Thao đoạn tương ứng km7+800-km8+240 và km10+700-km11, thuộc địa bàn xã Đan Thượng, Tứ Hiệp, huyện Hạ Hòa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.596,900		4.596,900	4.596,900	
15	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vờ sông đoạn tương ứng từ km62+200-km63 đê hữu sông Thao, thuộc xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7.350,000		7.350,000	7.350,000	

TT	Danh mục sự kiện công trình/ Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn để nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
16	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ sông đoạn tương ứng từ km1+700-km2+400 đê Hữu Lũ, thuộc xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.406,000		5.406,000	5.406,000	
17	Xử lý sự cố sạt lở bờ sông Xuân Lộc đoạn tương ứng từ km30+800-km31+200 đê tả sông Đà, thuộc địa bàn xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.800,000		2.800,000	2.800,000	
18	Đầu tư gia cố hệ thống đê điều, thủy lợi xuống cấp năm 2021 trên địa bàn xã Hiền Lương - huyện Hạ Hòa, xã Phượng Vĩ - huyện Cẩm Khê, xã Văn Du - huyện Đoan Hùng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.777,900		3.777,900	3.777,900	
19	Tu bổ, hoàn chỉnh và gia cố mặt đê tả Sông Thao (các gói thầu số 06, 41, 42)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7.000,000		7.000,000	7.000,000	
20	CT, gia cố, nâng cấp đường Ấu Cơ (giai đoạn I) Đoạn từ Km5+703,12 - Km7+561,09 và Km13+414,25 - Km19+58,47 cầu Ngòi Mên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.000,000		5.000,000	5.000,000	
21	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố vỡ đập hồ Đám Thín, xã Cấp Dẫn huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	Công ty TNHH NN MTV Khai thác công trình Thủy lợi Phú Thọ	2.168,000		2.168,000	2.168,000	
22	Xử lý khẩn cấp sự cố rò rỉ công điều tiết Hồ chứa nước Thượng Long, huyện Yên Lập	Công ty TNHH NN MTV Khai thác công trình Thủy lợi Phú Thọ	819,000		819,000	819,000	
23	Khắc phục, sửa chữa hư hỏng do ảnh hưởng cơn bão số 4 năm 2020 trên tuyến ĐT.318B (đoạn km2+500 - km7), huyện Đoan Hùng	Sở Giao thông vận tải	3.793,000		3.793,000	3.793,000	
24	Xây dựng cầu vượt lữ Km3+400 đường 316H xã Lai Động huyện Tân Sơn	Sở Giao thông vận tải	5.000,000		5.000,000	5.000,000	
25	Xây dựng cầu Phượng Vỹ mới tại Km5+500 đường tỉnh 321C, thuộc địa bàn huyện Cẩm Khê	Sở Giao thông vận tải	4.000,000		4.000,000	4.000,000	
26	Thi công xây lắp và hạng mục chung công trình: Xây dựng nút giao IC-11 tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (phần nhà điều hành, trạm thu phí, hệ thống thu phí)	Sở Giao thông vận tải	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
27	Cải tạo, nâng cấp phòng họp số 4 thuộc trụ sở làm việc của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	1.700,000		1.700,000	1.700,000	
28	Cải tạo, sửa chữa nhà ăn 2 tầng tại Trung tâm hội nghị tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	2.500,000		2.500,000	2.500,000	
29	Tượng đài chiến thắng Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.519,000		1.519,000	1.519,000	
30	Thanh toán nợ XDCB công trình: San nền Lô B5, phân phát sinh khối lượng đắp nền lô B8 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN Thụy Vân giai đoạn III	Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ KCN	2.000,000		2.000,000	2.000,000	

TT	Danh mục dự án công trình sử dụng nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn đề nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
	<b>Nguồn vốn chi chuyên gia, chuyên gia Ngân sách cấp dưới</b>		<b>376.331,212</b>		<b>376.331,212</b>	<b>376.331,212</b>	
	UBND thành phố Việt Trì		13.000,000		13.000,000	13.000,000	
31	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng hai bên đường: cây xanh, chiếu sáng và trang trí trên đường Phú Đồng, thành phố Việt Trì	UBND thành phố Việt Trì	8.000,000		8.000,000	8.000,000	
32	Nhà làm việc Thành ủy Việt Trì và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Việt Trì	5.000,000		5.000,000	5.000,000	
	UBND thị xã Phú Thọ		240.000,000		240.000,000	240.000,000	
33	Tuyến đường nối từ đường Hồ Chí Minh đến đường tỉnh 320C (đường đi xã Đông Thành, huyện Thanh Ba) - giai đoạn I (đoạn Km0+00 - Km5+846)	UBND thị xã Phú Thọ	60.000,000		60.000,000	60.000,000	
34	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương, Thị xã Phú Thọ	UBND thị xã Phú Thọ	130.000,000		130.000,000	130.000,000	
35	Nâng cấp, cải tạo đường Trường Chinh, kết hợp cải tạo cảnh quan hồ Đình Tỏi, thị xã Phú Thọ	UBND thị xã Phú Thọ	50.000,000		50.000,000	50.000,000	
	UBND huyện Phú Ninh		9.736,300		9.736,300	9.736,300	
36	Kinh phí chi trả bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức của dự án: Cải tạo, nâng cấp đường chiến thắng Sông Lô, hạng mục bổ sung: Tuyến đường Phú Mỹ - Phú Lộc - Quốc lộ II (Tỉnh lộ 323D)	UBND huyện Phú Ninh	872,300		872,300	872,300	
37	CT, NC đường giao thông kết nối Công Chai khu 6 (đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) đi đường tỉnh 323C xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh	UBND huyện Phú Ninh	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
38	Cải tạo, nâng cấp đường Lạc Hồng, TT Phong Châu (Đoạn từ Quốc lộ II đi Tổng công ty Giấy)	UBND huyện Phú Ninh	4.000,000		4.000,000	4.000,000	
39	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phú Ninh (đoạn quốc lộ II - đê hữu sông Lô)	UBND huyện Phú Ninh	1.864,000		1.864,000	1.864,000	
	UBND huyện Lâm Thao		9.000,000		9.000,000	9.000,000	
40	Xây dựng hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường GT từ Khu DTLS Đền Hùng đi Cầu Phong Châu (giai đoạn I)	UBND huyện Lâm Thao	5.000,000		5.000,000	5.000,000	
41	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng đoạn từ Quán Nạn đến kênh T2, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao	UBND huyện Lâm Thao	4.000,000		4.000,000	4.000,000	
	UBND huyện Tam Nông		20.670,000		20.670,000	20.670,000	
42	Hỗ trợ kinh phí để hoàn trả tạm ứng Quý Phát triển đất tỉnh khi thực hiện Dự án di chuyển Lữ đoàn công binh 543 từ thị trấn Hưng Hóa lên xã Văn Lương, huyện Tam Nông	UBND huyện Tam Nông	11.886,000		11.886,000	11.886,000	



TT	Danh mục dự án công trình/Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn để nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
43	Nâng cấp, cải tạo kết hợp đường GT ngòai tiêu Tam Cường (đoạn từ cầu Trắng đến TL315), xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông	UBND huyện Tam Nông	5.784,000		5.784,000	5.784,000	
44	Cải tạo, nâng cấp đường HL.74 đoạn từ trụ sở xã Quang Hùng đi phai Đông Hạ, huyện Tam Nông	UBND huyện Tam Nông	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
	UBND huyện Thanh Thủy		7.000,000		7.000,000	7.000,000	
45	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh mương xã Tân Phương-Thạch Đông- Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy	UBND huyện Thanh Thủy	7.000,000		7.000,000	7.000,000	
	UBND huyện Đoan Hùng		9.119,000		9.119,000	9.119,000	
46	Sửa chữa đường DH.53, huyện Đoan Hùng	UBND huyện Đoan Hùng	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
47	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên thôn từ đường DH 53 đi thôn 4 xã Phúc Lai	UBND huyện Đoan Hùng	2.000,000		2.000,000	2.000,000	
48	Kê hữu sông Lô đoạn qua xã Sóc Đăng và thị trấn Đoan Hùng	UBND huyện Đoan Hùng	1.597,000		1.597,000	1.597,000	
49	Đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ xã Yên Kiện huyện Đoan Hùng	UBND huyện Đoan Hùng	782,000		782,000	782,000	
50	Kê bảo vệ bờ, vò sông khu vực tượng đài chiến thắng Sông Lô và cầu DH (trên QL2)	UBND huyện Đoan Hùng	1.740,000		1.740,000	1.740,000	
	UBND huyện Thanh Ba		13.183,000		13.183,000	13.183,000	
51	KP chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ và TDC đối với diện tích đất nông nghiệp bị xô xạt, không có khả năng khắc phục để sản xuất nông nghiệp nằm ngoài chi giới dự án: Khu tái định cư cho các hộ vùng bị sụt lún đất tại xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba	UBND huyện Thanh Ba	4.183,000		4.183,000	4.183,000	
52	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo đường Ninh Dân đi Thái Ninh, huyện Thanh Ba	UBND huyện Thanh Ba	9.000,000		9.000,000	9.000,000	
	UBND huyện Hạ Hòa		18.000,000		18.000,000	18.000,000	
53	Đường từ quốc lộ 70 đi thị trấn Hạ Hoà và ĐT 320D kết nối các xã vùng phía nam với trung tâm huyện Hạ Hoà	UBND huyện Hạ Hoà	15.000,000		15.000,000	15.000,000	
54	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng kết hợp giao thông nông thôn từ ngã ba đồng lớn đi khu 4 Yên Khê, xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hoà	UBND huyện Hạ Hoà	3.000,000		3.000,000	3.000,000	



TT	Loại mục dự án công trình/Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn đề nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
	<i>UBND huyện Cẩm Khê</i>		3.000,000		3.000,000	3.000,000	
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ đường Tiên Lương - Lương Sơn vào khu 9, khu 10 xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê	UBND huyện Cẩm Khê	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
	<i>UBND huyện Yên Lập</i>		22.745,912		22.745,912	22.745,912	
-	Hỗ trợ một phần số vượt thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh thực hiện phát sinh trên địa bàn		7.500,000		7.500,000	7.500,000	
56	Cải tạo, sửa chữa đường GTNT khu Đình Cả, xã Hưng Long	UBND huyện Yên Lập	5.300,000		5.300,000	5.300,000	
57	Đường GTNT bê tông xi măng liên khu 4,6,7 xã Xuân Thủy	UBND huyện Yên Lập	2.200,000		2.200,000	2.200,000	
58	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Tân Long đi đập Lèn, xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập	UBND huyện Yên Lập	1.000,000		1.000,000	1.000,000	
59	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 70B đi khu Chùa, khu Mít thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	UBND huyện Yên Lập	6.000,000		6.000,000	6.000,000	
60	Đường giao thông khu vực Sâu Khe, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (đoạn tuyến từ khu Đồng Màng đi khu Thánh Xuân)	UBND huyện Yên Lập	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
61	Cải tạo, nâng cấp đập chứa nước khu Lóng Chèo, xã Minh Hoà, huyện Yên Lập	UBND huyện Yên Lập	4.000,000		4.000,000	4.000,000	
62	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đồng	UBND huyện Yên Lập	682,709		682,709	682,709	
63	Cầu treo Ngòi Giành xã Xuân An	UBND huyện Yên Lập	563,203		563,203	563,203	
	<i>UBND huyện Thanh Sơn</i>		3.000,000		3.000,000	3.000,000	
64	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã Sơn Hùng - Giáp Lãi, huyện Thanh Sơn (đoạn từ khu tập kết rác thải sinh hoạt xã Sơn Hùng đi xã Giáp Lãi)	UBND huyện Thanh Sơn	3.000,000		3.000,000	3.000,000	
	<i>UBND huyện Tân Sơn</i>		7.877,000		7.877,000	7.877,000	
65	Đường đến trung tâm xã Thu Ngạc, huyện Tân Sơn	UBND huyện Tân Sơn	1.612,000		1.612,000	1.612,000	
66	Cầu qua sông bừa và tuyến đường Minh Đài - Mỹ Thuận - Văn Lương huyện Tân Sơn phục vụ cứu hộ, cứu nạn, khắc phục tình trạng chia cắt vào mùa mưa lũ (gđ 2)	UBND huyện Tân Sơn	2.265,000		2.265,000	2.265,000	
67	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Văn Lương, huyện Tân Sơn khắc phục thiệt hại do mưa lũ (đoạn từ UBND xã đi cầu treo xóm Bến Gạo)	UBND huyện Tân Sơn	4.000,000		4.000,000	4.000,000	



TT	Danh mục dự án công trình/ dự án vốn	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số đã giải ngân hết niên độ	Số vốn còn lại	Số vốn đề nghị kéo dài sang năm 2022	Ghi chú
III	<i>Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép</i>		54.690,345	28.254,068	26.436,277	26.436,277	
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Yên Lập	UBND huyện Yên Lập	2.000,000	944,610	1.055,390	1.055,390	
2	Dự án thành phần sửa chữa và nâng cao an toàn đập tình Phú Thọ (WB8) (điều chỉnh giảm vốn ODA theo QĐ 2882/QĐ-UBND ngày 06/11/2021). Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài (cả phần ODA cấp phát địa phương đã điều chỉnh giảm 30,000 triệu đồng, số vốn vay lại được kéo dài sang năm 2022 tổng tương ứng 5.294 triệu đồng)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6.176,000	520,643	5.655,357	5.655,357	
3	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (21 tỉnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.072,000	-	1.072,000	1.072,000	
	Hợp phần cấp nước nông thôn: Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các xã Tam sơn, Văn Bàn, Tùng Khê, Cấp Dân huyện Cẩm Khê		1.072,000		1.072,000	1.072,000	
4	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải TP Việt Trì	Công ty CP cấp nước Phú Thọ	17.819,000	7.419,322	10.399,678	10.399,678	
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của Bệnh viện Y Dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ	Bệnh viện Y dược Cổ truyền và Phục hồi chức năng	25.000,000	19.369,493	5.630,507	5.630,507	
6	Lắp đặt hệ thống các cột đèn chiếu sáng tại Khu DTLS Đền Hùng	Khu DTLS Đền Hùng	517,545		517,545	517,545	
7	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng cảnh quan khu vực hồ Mai An Tiêm	Khu DTLS Đền Hùng	2.100,000		2.100,000	2.100,000	
8	Cải tạo khuôn viên, cảnh quan xung quanh tòa nhà Đại đoàn kết tại Khu DTLS Đền Hùng	Khu DTLS Đền Hùng	5,800		5,800	5,800	